

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 14/2025/HNGĐ-ST
Ngày 30-9-2025
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung, yêu cầu giải quyết nợ chung
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bàn Văn Tiễn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đàm Thiệu Phương;

Bà Hoàng Thị Tuyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Hữu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nông Văn Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 48/2025/HNGĐ-ST ngày 02 tháng 6 năm 2025, về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn, yêu cầu giải quyết nợ chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 9 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Liễu Thị C; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Vi Văn H; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ngân hàng C. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Trung K – Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C T; địa chỉ: Số *, đường H, xã T, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Liễu Thị C trình bày như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H đăng ký kết hôn vào ngày 25 tháng 6 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn (nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Lạng Sơn), trước khi đăng ký kết hôn chị và anh H được tìm hiểu nhau và làm lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi đăng ký kết hôn thì chị và anh H về ở nhà anh H tại Thôn K, xã K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn (nay là thôn K, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn). Ban đầu hai vợ chồng vẫn chung sống bình thường, chưa có gì mâu thuẫn. Đến năm 2014 thì hai vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H hay đi uống rượu, sau khi uống rượu về thì anh H hay đánh đập chị. Đến năm 2021 khi chị sinh con thứ ba thì hai vợ chồng chị mâu thuẫn diễn ra ngày càng trầm trọng. Đến đầu năm 2024 thì chị và anh H bắt đầu ly thân nhau, trong quá trình sống ly thân thì hai bên cũng không hỏi thăm gì nhau, ai muốn sống ra sao thì sống. Nay chị không còn tình cảm với anh H, chị đề nghị Tòa án cho chị ly hôn với anh H.

- Về con chung: Chị và anh H có 03 con chung là Vi Thị Quỳnh N, sinh ngày 06 tháng 7 năm 2012, Vi Ngọc L, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2014, Vi Bảo N, sinh ngày 06 tháng 10 năm 2021. Khi ly hôn thì chị là người trực tiếp nuôi cháu Vi Ngọc L, anh H là người trực tiếp nuôi cháu Vi Thị Quỳnh N và Vi Bảo N, chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu Vi Ngọc L. Chị không phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu Vi Thị Quỳnh N. Đối với cháu Vi Bảo N, chị nhất trí khi ly hôn, chị có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung đối với cháu Vi Bảo N là 1.500.000 đồng/01 tháng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

- Về nợ chung: Quá trình chung sống chị và anh H có vay Ngân hàng C T số tiền 90.000.000 đồng. Khi ly hôn chị nhất trí, chị và anh H mỗi người có trách nhiệm trả 45.000.000 đồng tiền gốc và ½ tiền lãi.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về cho vay chung: Không có.

** Bị đơn anh Vi Văn H trình bày như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị C kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 25/6/2012 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn (nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Lạng Sơn). Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng chị có nhiều điểm không hòa hợp, chị C cũng đã bỏ đi hơn một năm nay, chị thỉnh thoảng mới về thăm con. Nay chị C xin ly hôn với anh, anh cũng đồng ý ly hôn với chị C, tuy nhiên chị C phải cùng anh trả hết nợ cho Ngân hàng C T thì anh mới đồng ý ly hôn với chị C.

Trong quá trình chung sống do chị C đi ngoại tình nên anh cũng có đánh chị C vài lần, tuy nhiên cũng chỉ hai vợ chồng giải quyết với nhau, chưa báo cho thôn hay đưa ra pháp luật giải quyết.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị C có 03 con chung là Vi Thị Quỳnh N, sinh năm 2012, Vi Ngọc L, sinh năm 2014 và Vi Bảo N, sinh năm 2021. Khi ly hôn anh nhất trí để chị C nuôi cháu Vi Ngọc L, còn anh nuôi hai cháu Vi Thị Quỳnh N và Vi Bảo N, đối với cháu Vi Thị Quỳnh N thì anh không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con chung, còn đối với cháu Vi Bảo N anh

yêu cầu chị C phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu N đến khi đủ 18 tuổi, mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng/01 tháng cho cháu N đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

- Về nợ chung: Quá trình chung sống anh và chị C có vay Ngân hàng C T số tiền 90.000.000 đồng, khi ly hôn anh yêu cầu mỗi người phải trả $\frac{1}{2}$ số nợ trên.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về cho vay chung: Không có.

** Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C trình bày:*

Căn cứ vào hồ sơ vay vốn đã ký giữa hộ vay Vi Văn H (bên ủy quyền là bà Liễu Thị C) và Phòng giao dịch NHCSXH T với số tiền gốc là 90.000.000 đồng. Tính đến hết ngày 09/9/2025 bà Liễu Thị C và ông Vi Văn H còn nợ NHCSXH T số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng), trong đó:

- Chương trình cho vay hộ nghèo, mã món vay: 6600000723071220 số tiền gốc 70.000.000 đồng, ngày vay 13/5/2022, ngày đến hạn trả nợ cuối cùng 13/5/2027.

- Chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, mã món vay 6600000723680532 số tiền gốc 20.000.000 đồng, ngày vay 13/7/2022, ngày đến hạn trả nợ cuối cùng 13/7/2027.

Để bảo toàn nguồn vốn tín dụng ưu đãi của Chính phủ, Ngân hàng đề nghị Tòa án xử lý buộc ông Vi Văn H và bà Liễu Thị C đều phải có trách nhiệm trả nợ toàn bộ số tiền gốc và lãi phát sinh cho NHCSXH theo quy định.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu và kết luận về thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật để giải quyết vụ án và các đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật; về quan điểm giải quyết vụ án ý kiến của Vị đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Liễu Thị C, cụ thể: Về quan hệ hôn nhân: Chị Liễu Thị C được ly hôn với anh Vi Văn H. Về con chung: Giao con chung Vi Thị Quỳnh N, sinh ngày 06/7/2012 và Vi Bảo N, sinh ngày 06/10/2021 cho anh Vi Văn H là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Chị Liễu Thị C là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Vi Ngọc L, sinh ngày 04/9/2014 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị Liễu Thị C có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung Vi Bảo N, sinh ngày 06/10/2021 số tiền 1.500.000 đồng/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, chị Liễu Thị C không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung Vi Thị Quỳnh N do anh Vi Văn H không yêu cầu, anh Vi Văn H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung Vi Ngọc L do chị Liễu Thị C không yêu cầu. Về nợ chung: Chị Liễu Thị C và anh Vi Văn H, mỗi người có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc 45.000.000 đồng và $\frac{1}{2}$ số tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng C. Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về cho vay chung: Không có. Về án phí: Chị Liễu Thị C phải chịu án phí theo quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định như sau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Về quan hệ tranh chấp của vụ án là Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn, yêu cầu giải quyết nợ chung khi ly hôn, bị đơn anh Vi Văn H có nơi cư trú ở Thôn K, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn (trước đây là thôn K, xã K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn). Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, thẩm quyền giải quyết thuộc về Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn chị Liễu Thị C, bị đơn anh Vi Văn H, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C. Tuy nhiên nguyên đơn chị Liễu Thị C đã có đơn xin xét xử vắng mặt, đây là phiên tòa đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, các đương sự vắng mặt đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án, xét thấy việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng nói trên không ảnh hưởng đến việc xét xử, do đó căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Liễu Thị C thấy như sau:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H đăng ký kết hôn vào ngày 25 tháng 6 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn (nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Lạng Sơn), trước khi đăng ký kết hôn chị và anh H được tìm hiểu nhau và làm lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi đăng ký kết hôn thì chị và anh H về ở nhà anh H tại Thôn K, xã K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn (nay là thôn K, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn). Chị C và anh H đều thừa nhận quá trình chung sống hai vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, có nhiều điểm không hòa hợp. Chị C và anh H đã sống ly thân nhau được hơn 1 năm, trong quá trình sống ly thân thì hai bên cũng không hỏi thăm gì nhau, ai muốn sống ra sao thì sống. Nay chị C không còn tình cảm với anh H, chị đề nghị Tòa án cho chị ly hôn với anh H, anh H cũng nhất trí ly hôn với chị C. Xét thấy hiện nay chị C và anh H không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu xin ly hôn của chị C là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống chị C và anh H có 03 con chung là Vi Thị Quỳnh N, sinh ngày 06 tháng 7 năm 2012, Vi Ngọc L, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2014, Vi Bảo N, sinh ngày 06 tháng 10 năm 2021. Khi ly hôn anh H có ý kiến anh nhất trí để chị C nuôi cháu Vi Ngọc L, còn anh nuôi hai cháu Vi Thị Quỳnh N và Vi Bảo N, đối với cháu Vi Thị Quỳnh N thì anh không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con chung, còn đối với cháu Vi Bảo N anh yêu cầu chị C phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu N đến khi đủ 18 tuổi, mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng/01 tháng cho cháu N đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Chị C cũng nhất trí với các ý kiến nói trên của anh H, ngoài ra bản thân cháu Vi Thị Quỳnh

N cũng có nguyện vọng ở với bố, cháu Vi Ngọc L có nguyện vọng ở với mẹ nếu bố mẹ các cháu ly hôn. Do đó có căn cứ giao các con chung Vi Thị Quỳnh N và Vi Bảo N cho anh Vi Văn H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi, giao con chung Vi Ngọc L cho chị Liễu Thị C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Chị Liễu Thị C có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung Vi Bảo N số tiền 1.500.000 đồng/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng theo tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Chị Liễu Thị C không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung Vi Thị Quỳnh N do anh Vi Văn H không yêu cầu, anh Vi Văn H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung Vi Ngọc L do chị Liễu Thị C không yêu cầu. Chị Liễu Thị C và anh Vi Văn H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

[6] Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án nộp đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong số tiền phải thi hành thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

[7] Về nợ chung: Quá trình chị C và anh H chung sống với nhau, xác định chị C và anh H có vay Ngân hàng C số tiền 90.000.000 đồng, hiện vẫn còn nợ 90.000.000 đồng. Khi ly hôn chị C và anh H cũng nhất trí mỗi người có trách nhiệm trả cho Ngân hàng $\frac{1}{2}$ số tiền nợ gốc và $\frac{1}{2}$ tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng. Do đó buộc chị C và anh H khi ly hôn, mỗi người có trách nhiệm trả cho Ngân hàng C 45.000.000 đồng tiền gốc và $\frac{1}{2}$ tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng.

[8] Về tài sản chung: Do chị C và anh H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về cho vay chung: Không có.

[10] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Liễu Thị C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng để nộp Ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị Liễu Thị C đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Lạng Sơn (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 – Lạng Sơn), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001964 ngày 02/6/2025, chị Liễu Thị C còn phải tiếp tục nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí để nộp Ngân sách nhà nước.

[12] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Căn cứ Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 27, 56, 57, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118, 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Liễu Thị C, cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Liễu Thị C được ly hôn với anh Vi Văn H.

2. Về con chung:

Giao 02 con chung Vi Thị Quỳnh N, sinh ngày 06/7/2012 và Vi Bảo N, sinh ngày 06/10/2021 cho anh Vi Văn H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Giao con chung Vi Ngọc L, sinh ngày 04/9/2014 cho chị Liễu Thị C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Chị Liễu Thị C có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung Vi Bảo N số tiền 1.500.000 đồng/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng theo tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án nộp đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong số tiền phải thi hành thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Chị Liễu Thị C không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung Vi Thị Quỳnh N do anh Vi Văn H không yêu cầu, anh Vi Văn H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung Vi Ngọc L do chị Liễu Thị C không yêu cầu.

Chị Liễu Thị C và anh Vi Văn H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về nợ chung:

Chị Liễu Thị C và anh Vi Văn H, mỗi người có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng C số tiền gốc 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng) và ½ tiền lãi phát sinh, theo sổ vay vốn, mã KH: 7056964177, mã món vay: 6600000723071220 số tiền gốc 70.000.000 đồng, ngày vay 13/5/2022 và mã

món vay 6600000723680532 số tiền gốc 20.000.000 đồng, ngày vay 13/7/2022 giữa anh Vi Văn H và Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện T, tỉnh Lạng Sơn (nay là Phòng giao dịch Ngân hàng C T - Lạng Sơn).

II. Về án phí:

Nguyên đơn chị Liễu Thị C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng để nộp Ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị Liễu Thị C đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Lạng Sơn (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 – Lạng Sơn), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001964 ngày 02/6/2025, chị Liễu Thị C còn phải tiếp tục nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí để nộp Ngân sách nhà nước.

III. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 2 - Lạng Sơn;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- THADS tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã Đ, tỉnh Lạng Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Bàn Văn Tiền